

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 314/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Mai Thị H**, sinh năm 1989; số định danh cá nhân: 036189013819; nơi đăng ký thường trú: **Xóm G, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định**; nơi cư trú: **Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh **Lại Xuân Đ**, sinh năm 1988; số căn cước công dân: 036088012850; nơi đăng ký thường trú: **Xóm G, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định**. Hiện đang điều trị tại **Bệnh viện tâm thần tỉnh N**.

Người đại diện theo pháp luật của anh **Lại Xuân Đ**: Bà **Lại Thị L**, sinh năm 1958; số căn cước công dân: 036158009636; nơi đăng ký thường trú: **Xóm G, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định**; nơi cư trú: **Xóm G, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 07-6-2023, bản tự khai ngày 22-6-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị **Mai Thị H** trình bày:

Chị và anh **Lại Xuân Đ** có thời gian tìm hiểu trong khoảng 05 tháng. Sau đó hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định** vào ngày 23-12-2009.

Sau khi kết hôn, chị và anh **Lại Xuân Đ** chung sống tại địa chỉ: **Xóm G, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định**. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh **Lại Xuân Đ** tính cách không hợp nhau, anh **Lại Xuân Đ** không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con. Hai bên đã sống ly thân kể từ năm 2012 cho đến nay. Bản thân chị và anh **Lại Xuân Đ** có nói chuyện với nhau để tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị và anh **Lại Xuân Đ** không quan tâm, không còn tình cảm gì với nhau. Hiện tại, chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng và không thể khắc phục; đồng thời anh **Lại Xuân Đ** còn mắc bệnh tâm thần nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh **Lại Xuân Đ**.

Về con chung: Chị và anh **Lại Xuân Đ** có 02 con chung đều là con gái. Con lớn là **Lại Thị Mai Q**, sinh ngày 10-12-2009 và con nhỏ là **Lại Thị Thùy D**, sinh ngày 08-01-2012. Hiện tại cả hai con đều đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh **Lại Xuân Đ** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị **Mai Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22-6-2023, người đại diện theo pháp luật của bị đơn (anh **Lại Xuân Đ**) là bà **Lại Thị L** trình bày:

Anh **Lại Xuân Đ** và chị **Mai Thị H** có thời gian tìm hiểu khoảng 2 tháng trước khi kết hôn. Sau đó anh **Lại Xuân Đ** và chị **Mai Thị H** có tổ chức lễ cưới và



có đăng ký kết hôn vào ngày 23-12-2009 tại UBND xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa hai bên.

Sau khi kết hôn, anh Lại Xuân Đ và chị Mai Thị H sống cùng với bà tại địa chỉ: Xóm G, xã N, thành phố N. Cuộc sống vợ chồng của anh Lại Xuân Đ và chị Mai Thị H bình thường, hòa thuận cho đến khoảng năm 2011 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và do anh Lại Xuân Đ có hiện tượng nóng nảy, không thật tính. Từ thời gian đó anh Lại Xuân Đ và chị Mai Thị H thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Do anh Lại Xuân Đ bị bệnh tâm thần, không kiểm soát được hành vi nên bà đã phải đưa anh Lại Xuân Đ đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh N nhiều lần. Từ tháng 4/2023 cho đến nay, anh Lại Xuân Đ phát bệnh nặng nên phải điều trị nội trú tại Bệnh viện tâm thần tỉnh N. Từ năm 2012, anh Lại Xuân Đ và chị Mai Thị H sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Chị Mai Thị H đã cùng hai con chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ thời gian đó cho đến nay. Hiện tại chị Mai Thị H làm đơn xin ly hôn với anh Lại Xuân Đ, quan điểm của bà nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Mai Thị H với anh Lại Xuân Đ được ly hôn.

Về con chung: Anh Lại Xuân Đ và chị Mai Thị H có 02 con chung là Lại Thị Mai Q, sinh ngày 10-12-2009 và Lại Thị Thùy D, sinh ngày 08-01-2012. Hiện tại cả hai con đều đang do chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc nuôi con, bà Lại Thị L đồng ý để chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lại Thị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng anh Lại Xuân Đ và chị Mai Thị H: Bà Lại Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

- Xử lý hôn giữa chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ**.
- Về con chung: Giao cho chị **Mai Thị H** trực tiếp nuôi hai con **Lại Thị Mai Q**, sinh ngày 10-12-2009 và **Lại Thị Thùy D**, sinh ngày 08-01-2012. Anh **Lại Xuân Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Buộc chị **Mai Thị H** phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về người tham gia tố tụng và tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Do anh **Lại Xuân Đ** có bệnh án tâm thần và hiện nay đang điều trị tại **Bệnh viện tâm thần tỉnh N** nên chị **Mai Thị H** đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh **Lại Xuân Đ** là người mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã giải thích cho chị **Mai Thị H** và bà **Lại Thị L** về thủ tục yêu cầu tuyên bố anh **Lại Xuân Đ** là người hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và thủ tục đưa anh **Lại Xuân Đ** đi giám định pháp y tâm thần tại **V** nhưng bà **Lại Thị L** và chị **Mai Thị H** đều từ chối đưa anh **Lại Xuân Đ** đi giám định tâm thần. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh **Lại Xuân Đ**, Hội đồng xét xử sẽ xác định anh **Lại Xuân Đ** là người tham gia tố tụng nhưng bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, đồng thời xác định bà **Lại Thị L** tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo pháp luật của anh **Lại Xuân Đ**.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị **Mai Thị H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **Lại Xuân Đ**, giải quyết về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn (anh **Lại Xuân Đ**) là bà **Lại Thị L** không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.2. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:



Nguyên đơn là chị **Mai Thị H** và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà **Lại Thị L** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ** có thời gian tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, sau đó đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 23-12-2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ** là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ** chung sống tại địa chỉ: Xóm G, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường cho đến khoảng năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ** thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và anh **Lại Xuân Đ** có hiện tượng bệnh tâm thần sinh ra nóng nảy, cư xử không kiểm soát được hành vi. Mặc dù gia đình đã đưa anh **Lại Xuân Đ** đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh N nhưng đều không cải thiện được sức khỏe tâm thần của anh **Lại Xuân Đ**, nên từ năm 2012 chị **Mai Thị H** đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống. Chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ** đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Hiện tại, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ** ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử lý hôn giữa giữa chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ**.

2.2. Về con chung:

Chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ** có 02 con chung là **Lại Thị Mai Q**, giới tính: Nữ, sinh ngày 10-12-2009 và **Lại Thị Thùy D**, giới tính: Nữ, sinh ngày 08-01-2012. Xét thấy chị **Mai Thị H** đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và có đủ điều kiện để nuôi con; anh **Lại Xuân Đ** đang phải điều trị bệnh tâm thần nên không có khả năng nuôi con; cháu **Lại Thị Mai Q** và cháu **Lại Thị Thùy D** đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ giao cả hai con cho chị **Mai Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét việc chị **Mai Thị H** không yêu cầu anh **Lại Xuân Đ** cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị **Mai Thị H** và người đại diện theo pháp luật của anh **Lại Xuân Đ** là bà **Lại Thị L** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị **Mai Thị H** là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị **Mai Thị H** đã nộp khi khởi kiện sẽ được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử lý hôn giữa chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Mai Thị H** trực tiếp nuôi cả hai con là **Lại Thị Mai Q**, giới tính: Nữ, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2009, số định danh cá nhân: 036309002746 và **Lại Thị Thùy D**, giới tính: Nữ, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012, số định danh cá nhân: 036312005536.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Mai Thị H** không yêu cầu anh **Lại Xuân Đ** cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Mai Thị H** và anh **Lại Xuân Đ** vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa

vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

### 3. Án phí:

Chị **Mai Thị H** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **Mai Thị H** đã nộp tại biên lai số 0000140 ngày 07-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị **Mai Thị H** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

### 4. Quyền kháng cáo:

Chị **Mai Thị H**, anh **Lại Xuân Đ** và bà **Lại Thị L** có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã Nam Vân, TP. Nam Định;
- (ĐKKH số 70 ngày 23-12-2009, quyền số 01/2009)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.